TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2024/HS-ST
Ngày 28/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Tùng Mận.
2. Ông Hoàng Văn Mầm.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A, Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 345/2024/TLST- HS ngày 01/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2024/QĐXXST-HS ngày 07/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/HSST-QĐ ngày 20/11/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu H, sinh ngày 05/8/1991; tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công an; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1971, con bà Lê Thị V, sinh năm 1972; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 và có 03 con lớn nhất, sinh năm 2016, con nhỏ nhất, sinh năm 2023; Tiền án; Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Út H1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Lô F, G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Tôn Nữ Ái H2, sinh năm 1990.
Địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Thôn E, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
Người làm chứng: Chị Phan Cẩm T1.
Người đại diện hợp pháp của chị T1 là ông Phan Trọng Đ.
Cùng địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; đều vắng mặt.
Người chứng kiến: Chị Phan Thị Ngọc H3.
Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu H và Tôn Nữ Ái H2 là bạn bè quen biết ngoài xã hội từ tháng 4/2024. Quá trình quen biết, H nói với H2, H làm nghề nghiệp là Công an và có nhiều mối quan hệ xã hội có khả năng xin án treo và tại ngoại làm H2 tin là thật.

Ngày 14/6/2024, thông qua mạng xã hội Facebook, H2 biết chị Trần Thị V1 có liên quan đến hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác xảy ra ngày 06/6/2024 tại phường T, thành phố B, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thụ lý. Do H2 tin H có thể giúp chị V1 nên H2 gọi điện nhờ H xin cho chị V1 được tại ngoại thì H đồng ý và nói H2 đưa số điện thoại của người nhà chị V1 để H tự liên hệ. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H2 đi đến cửa hàng của chị V1 gặp chị Phan Cẩm T1 là nhân viên của cửa hàng, để hỏi thăm vụ việc của chị V1 và xin số điện thoại của chị Nguyễn Thị Út H1 là bạn của chị V1 đưa cho H, đồng thời gửi số điện thoại 0941506789 của H qua ứng dụng zalo cho chị T1. Sau đó, chị H1 sử dụng tài khoản Zalo tên "Hanie" kết bạn với H để nhờ xin cho chị V1 được tại ngoại. Lúc này, H đưa ra các thông tin gian dối là H hiện đang công tác tại Bộ C1 tại Hà Nội, đã liên hệ với các Lãnh đạo để đặt vấn đề trường hợp của chị V1, nếu muốn "tại ngoại" thì gia đình phải trả từ 280.000.000 đồng đến 320.000.000 đồng còn muốn xin đến giai đoạn xét xử được hưởng "án treo" thì gia đình phải trả số tiền 650.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng. Do tin là thật nên chị H1 thỏa thuận nhờ H xin cho chị V1 được tại ngoại, số tiền chị H1 phải đưa cho H là 300.000.000 đồng và hẹn ngày 16/6/2024 sẽ gặp để giao tiền cho H. Sau khi thỏa thuận với H, chị H1 tìm hiểu và nghi ngờ H là người lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 15/6/2024 chị H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để trình báo sự việc và đề nghị Cơ quan điều tra tiến hành xác minh. Đến ngày 16/6/2024, chị H1 phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B hẹn gặp H đến quán cà phê #7, địa chỉ: Số G N, phường T, thành phố B. Đến khoảng 09 giờ ngày 16/6/2024, H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinfast LuxSA, màu xám, biển số 61A-938.67 từ huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đến quán cà phê #7 để gặp chị H1. Tại đây, H tiếp tục đưa ra thông

tin gian dối là đã liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền, chắc chắn sẽ xin cho chị V1 được tại ngoại, nếu không được sẽ trả lại tiền nhằm mục đích tạo niềm tin để chị H1 giao tiền cho H. Sau đó, chị H1 đưa cho H 01 túi giấy màu đỏ, H tin bên trong túi giấy có số tiền 300.000.000 đồng do đã thỏa thuận trước đó nên H không kiểm tra. Đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, H cầm túi giấy màu đỏ đi ra phía cửa quán cà phê #7 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và tạm giữ 01 túi giấy màu đỏ bên trong đựng số tiền 250.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 355/CT-VKS - HS ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng, những lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung nhục hình gì.

Những lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra là tự nguyện, khách quan, đầy đủ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, h, s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định, 01 túi giấy màu đỏ bên trong có số tiền 250.000.000 đồng là tài sản của chị Nguyễn Thị Út H1 bị Nguyễn Hữu H chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H1 nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo Nguyễn Hữu H sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia 8800e-1 màu xám và số tiền 11.400.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo Nguyễn Hữu H không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo H nhận quản lý sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử và thi hành án.

Đối với 02 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính đá màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Nguyễn Hữu N, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông N nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 bộ đồ trang phục Cảnh sát xuân hè Công an nhân dân, cấp hàm Đại úy, bảng tên Nguyễn Hữu H, số hiệu CAND: 590-326, là trang phục được Trại giam Đ1- Bộ C1, cấp phát cho Nguyễn Hữu H để thực hiện nhiệm vụ, hiện H không còn thuộc biên chế của Trại giam Đ1 - Bộ C1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng giao cho Trại giam Đ1- Bộ C1 nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 xe ô tô hiệu Vinfast Lux SA2.0, màu sơn bạc, biển số 61A-938.67 là phương tiện bị cáo Nguyễn Hữu H sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, đầu năm 2024 ông Nguyễn Hữu N mua xe ô tô biển số 61A-938.67 của ông Trần C, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau đó, ông N cho bị cáo Nguyễn Hữu H mượn xe ô tô biển số 61A-938.67 làm phương tiện đi lại. Ngày 30/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành xác minh tại Công an phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định ông Trần C có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng từ năm 2023 đến nay, ông C cùng gia đình chuyển đến nơi khác sinh sống, không rõ địa chỉ, hiện không sinh sống tại địa phương nên Cơ quan điều tra không làm việc được. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B quyết định tách xe ô tô biển số 61A-938.67 ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng là tài sản của bà Tôn Nữ Ái H2 không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H2 nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Trong vụ án này, đối với hành vi của bà Tôn Nữ Ái H2 nhờ bị cáo Nguyễn Hữu H xin cho chị Trần Thị V1 được tại ngoại. Quá trình điều tra xác định, do H2 có quen biết chị V1 từ trước, đồng thời do tin tưởng bị cáo H làm công an, có thể giúp chị V1 nên H2 đã nhờ H xin cho chị V1 được tại ngoại. H2 không thỏa thuận, bàn bạc và không biết việc bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội, không hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của H. Hành vi của chị H2 không đồng phạm với bị cáo H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo bằng thủ đoạn gian dối đã chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Út H1 số tiền 300.000.000 đồng là phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…".

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng".

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào ngày 16/6/2023 tại địa bàn phường T, thành phố B bị cáo Nguyễn Hữu H đã đưa ra thông tin gian dối là H có thể dựa vào các mối quan hệ quen biết của bản thân để giúp chị Trần Thị V1 là người đang bị khởi tố về tội cố ý làm hư hỏng tài sản được "Tại ngoại" để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Út H1 số tiền 300.000.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vị phạm tội của mình, bị cáo đã tác động bố ruột bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 20.000.000

đồng, được bị hại viết đơn đề nghị Tòa án giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và tích cực với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác. Mặt khác, trong quá trình công tác nhiều năm đạt danh hiệu lao động tiên tiến, có bà nội là người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt thấp nhất của khung hình được áp dụng, trong khung hình phạt liền kề cũng đủ sức răn đe và thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị cáo có vợ và 03 con nhỏ, hiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động bố ruột là ông Nguyễn Hữu N tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Út H1 số tiền 20.000.000 đồng, bị hại chị Nguyễn Thị Út H1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản gì khác và tự nguyệt viết đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cho bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 túi giấy màu đỏ bên trong có số tiền 250.000.000 đồng là tài sản của chị Nguyễn Thị Út H1 bị bị cáo Nguyễn Hữu H chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H1 nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 02 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính đá màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng là tài sản của ông Nguyễn Hữu N, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông N nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 bộ đồ trang phục Cảnh sát xuân hè Công an nhân dân, cấp hàm Đại úy, bảng tên Nguyễn Hữu H, số hiệu CAND: 590-326, là trang phục được Trại giam Đ1 - Bộ C1, cấp phát cho Nguyễn Hữu H để thực hiện nhiệm vụ, hiện H không còn thuộc biên chế của Trại giam Đ1 - Bộ C1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng giao cho Trại giam Đ1 - Bộ C1 nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng là tài sản của chị Tôn Nữ Ái H2 không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an thành phố B quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H2 nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám là tài sản của bị cáo Nguyễn Hữu H sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia 8800e-1 màu xám và số tiền 11.400.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo Nguyễn Hữu H không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo H nhận quản lý sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử và thi hành án.

Đối với 01 xe ô tô hiệu Vinfast Lux SA2.0, màu sơn bạc, biển số 61A-938.67 là phương tiện bị cáo Nguyễn Hữu H sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, đầu năm 2024 ông Nguyễn Hữu N mua xe ô tô biển số 61A-938.67 của ông Trần C, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau đó, ông N cho bị cáo Nguyễn Hữu H mượn xe ô tô biển số 61A-938.67 làm phương tiện đi lại. Ngày 30/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành xác minh tại Công an phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định ông Trần C có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng từ năm 2023 đến nay, ông C cùng gia đình chuyển đến nơi khác sinh sống, không rõ địa chỉ, hiện không sinh sống tại địa phương nên Cơ quan điều tra không làm việc được. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B quyết định tách xe ô tô biển số 61A-938.67 ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Trong vụ án này, đối với hành vi của chị Tôn Nữ Ái H2 nhờ bị cáo Nguyễn Hữu H xin cho chị Trần Thị V1 được tại ngoại. Quá trình điều tra xác định, do H2 có quen biết chị V1 từ trước, đồng thời do tin tưởng bị cáo H làm Công an, có thể giúp chị V1 nên H2 đã nhờ H xin cho chị V1 được tại ngoại. H2 không thỏa thuận, bàn bạc và không biết việc bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội, không hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của H. Hành vi của chị H2 không đồng phạm với bị cáo H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, h, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo, bị hại về việc bị cáo đã tác động bố ruột là ông Nguyễn Hữu N bồi thường cho bị hại chị

Nguyễn Thị Út H1 số tiền 20.000.000 đồng, bị hại chị Nguyễn Thị Út H1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản gì khác.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B trả lại cho chị Nguyễn Thị Út H1 01 túi giấy màu đỏ bên trong có số tiền 250.000.000 đồng; trả lại cho ông Nguyễn Hữu N 02 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính đá màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng; trả lại cho Trại giam Đ1 - Bộ C1 01 bộ đồ trang phục Cảnh sát xuân hè Công an nhân dân, cấp hàm Đại úy, bảng tên Nguyễn Hữu H, số hiệu CAND: 590-326; trả lại chị Tôn Nữ Ái H2 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu H 01 điện thoại Nokia 8800e-1 màu xám, số Imei 358560154955463, đã qua sử dụng và số tiền 11.400.000 đồng đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử và thi hành án.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám, số Imei 358645015861958,đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Nguyễn Hữu H sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

(Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột ngày 15/11/2024).

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. BMT;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Đình Thanh